

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2023/DS-ST

Ngày: 02-10-2023

V/v “Tranh chấp hội và tranh
chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thu Trang

Ông Lê Thành Đông

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm: Bà Ngô Thị Mỹ Trang – kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 267/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp hội, tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 332/2023/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp H (ấp 4) , xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê A, sinh năm 1964 – Hội viên hội luật gia huyện Giồng Trôm.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: số 454, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1963.

Địa chỉ: số 454, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Lê Văn S, sinh năm 1965.

Địa chỉ: số S, đường N, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Người làm chứng:

- Bà Đào Thị T2, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị Bạch H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tại phiên tòa bà P, ông Á, ông S, bà H có mặt; bà T, bà T2 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê A và nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Do quen biết và ở gần nhà nên từ năm 2018 bà T đã tham gia chơi hụi do bà làm chủ hụi rất nhiều dây hụi. Khi mới tham gia chơi hụi, bà T vẫn đóng hụi đầy đủ nhưng đến khoảng năm 2022, bà T hốt hụi nhưng không đóng hụi chết, hiện còn nợ bà 10 dây hụi cụ thể như sau:

-Dây 1: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/11/2022, đến ngày 20/01/2023 mãn hụi. Có 25 phần, bà T tham gia 02 phần, đã hốt hụi, đóng được 22 phần, còn nợ lại 03 phần x 2.000.000 đồng = 6.000.000 đồng.

-Dây 2: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05/2/2021, đến ngày 05/01/2023 mãn hụi. Có 25 phần, bà T tham gia 03 phần, đã hốt hụi, đóng được 22 phần, còn nợ lại 03 phần x 3.000.000 đồng = 9.000.000 đồng.

-Dây 3: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/4/2021, đến ngày 20/04/2023 mãn hụi. Có 20 phần, bà T tham gia 03 phần, đã hốt hụi, đóng được 17 phần, còn nợ lại 03 phần x 4.000.000 đồng = 12.000.000 đồng.

-Dây 4: Hụi 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05/3/2022, đến ngày 05/4/2023 mãn hụi. Có 55 phần, bà T tham gia 1 phần, đã hốt hụi, đóng được 8 phần, còn nợ lại 07 phần x 5.000.000 đồng = 35.000.000 đồng.

-Dây 5: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/4/2021, đến ngày 15/01/2023 mãn hụi. Có 20 phần, bà T tham gia 03 phần, đã hốt hụi, đóng được 17 phần, còn nợ lại 02 phần x 3.000.000 đồng = 6.000.000 đồng.

-Dây 6: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 01/02/2022, đến ngày 01/02/2023 mãn hụi. Có 25 phần, bà T tham gia 03 phần, đã hốt hụi, đóng được 19 phần, còn nợ lại 06 phần x 3.000.000 đồng = 18.000.000 đồng.

-Dây 7: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05/01/2022, đến ngày 05/10/2023 mãn hụi. Có 21 phần, bà T tham gia 03 phần, đã hốt hụi, đóng được 8 phần, còn nợ lại 08 tháng đến ngày 05/4/2023 là 08 phần x 6.000.000 đồng = 48.000.000 đồng.

-Dây 8: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/12/2021, đến ngày 15/10/2023 mãn hụi. Có 25 phần, bà T tham gia 02 phần, đã hốt hụi, đóng được 11 phần, còn nợ lại 08 tháng đến ngày 15/4/2023 là 08 tháng x 2.000.000 đồng = 16.000.000 đồng.

-Dây 9: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/9/2022, đến ngày 10/3/2024 mãn hụi. Có 21 phần, bà T tham gia 02 phần, đã hốt hụi, đóng được 02 tháng, còn nợ lại 08 tháng đến ngày 10/4/2023 là 08 tháng x 2.000.000 đồng = 16.000.000 đồng.

-Dây 10: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 25/10/2022, đến ngày 25/10/2024 mãn hụi. Có 25 phần, bà T tham gia 01 phần, đã hốt hụi, đóng được 01 tháng, còn nợ lại 07 tháng đến ngày 25/4/2023 là 7 tháng x 2.000.000 đồng = 14.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi bà T còn nợ là 180.000.000 đồng.

Ngoài ra bà T còn vay của bà số tiền 214.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Vào ngày 05/8/2022 bà T mượn 01 dây hụi của bà để hốt với số tiền 24.000.000 đồng, bà T nói mượn để đóng hụi cho con trai, con dâu và cho con dâu đi học nghề.

- Vào ngày 20/8/2022 bà T mượn 60 triệu đồng, hứa 01 tháng trả.

- Vào ngày 10/10/2022 bà T mượn 70.000.000 đồng, mục đích để trị bệnh cho

em của bà T hứa ra viện sẽ trả.

- Vào ngày 20/10/2022 bà T mượn tiếp 60.000.000 đồng nói lý do em bệnh phải mổ lần hai.

Các lần mượn tiền trên hai bên không thỏa thuận lãi. Bà T có cầm bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 199, tờ bản đồ số 34, diện tích 2470.3m² tọa lạc tại ấp 4, xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre do ông L và bà T đứng tên cho bà. Từ ngày 10/2022, bà T ngưng đóng hui, bà liên hệ thì bà T cứ hẹn lần lượt và sau đó bỏ đi. Ông L chồng bà T cũng biết việc bà T chơi hui với bà. Bà T hốt hui và mượn tiền để xây nhà mua đồ trong nhà, lo cho các con, công việc trong gia đình nên bà yêu cầu ông L và bà T liên đới trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 394.000.000 đồng. Sau khi bà T, ông L trả nợ cho bà, bà sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L và bà T.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, cùng các văn bản tài liệu cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi ông Huỳnh Văn L là ông Lê Văn S trình bày:

Ông giữ ý kiến đã trình bày tại bản tự khai ngày 05/7/2023. Ông L cho biết việc bà T chơi hui với ai, ai là chủ hui, bao nhiêu đây... ông L đều không biết. Việc bà T vay mượn tiền của ai làm gì ông L cũng không biết. Tiền hốt hui và tiền vay bà T tự sử dụng, chi tiêu, tự cân đối theo cách của bà T. Bản thân ông L và gia đình không sử dụng bất kỳ khoản tiền nào từ việc chơi hui, tiền vay của bà T. Bà T cũng không sử dụng tiền hui, tiền vay để mua sắm vật dụng, tài sản gì trong nhà hay xây nhà. Gia đình ông L có đất vườn dừa có huê lợi hàng tháng, các con của ông L cũng có cho tiền cho hai vợ chồng đủ sống. Bà T đã bỏ nhà đi không rõ đi đâu. Việc bà T cầm sổ đất sau đó ông L mới biết. Ông L không liên quan gì về việc tiền nợ hui và tiền vay của bà T nên ông không đồng ý chịu trách nhiệm cùng bà T trả số tiền 394.000.000 đồng cho bà P.

Theo giấy xác nhận ngày 14/8/2023, biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2023 người làm chứng bà Đào Thị T2 trình bày:

Vào ngày 21/5/2023, bà cùng bà P và một số chủ nợ khác có đến nhà của bà Huỳnh Thị Thu là chị ruột của ông Huỳnh Văn L chồng bà T để nói chuyện với ông L về việc bà T, ông L còn thiếu nợ hui và tiền vay. Khi đó biết bà T và ông L không có nhà nên ghé nhà bà Thu để kiểm. Lúc đó có gặp ông L, chúng tôi có kêu ông L kêu bà T và các con về để trả nợ. Lúc đó ông L có thừa nhận là bà T hốt hui để xây nhà, ông L hứa sẽ kêu các con về bán đất để trả nợ.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2023 và tại phiên tòa, người làm chứng bà Nguyễn Thị Bạch H trình bày:

Vào ngày 21/5/2023, bà cùng bà P và một số chủ nợ khác có đến nhà của bà Huỳnh Thị Thu là chị ruột của ông Huỳnh Văn L chồng bà T để nói chuyện với ông L về việc bà T, ông L còn thiếu nợ hui và tiền vay. Khi đó biết bà T và ông L không có nhà nên ghé nhà bà Thu để kiểm. Lúc đó có gặp ông L, chúng tôi có kêu ông L kêu bà T và các con về để trả nợ. Lúc đó ông L có thừa nhận là bà T hốt hui để xây nhà, ông L hứa sẽ kêu các con về bán đất để trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; bản sao đơn khởi kiện và chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho bà T nhưng bà T đều vắng mặt và cũng không gửi bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đúng quy định.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

+ Nguyên đơn bà P thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Bị đơn bà T không tham gia đầy đủ các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông S đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P. Buộc bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm trả cho bà T số tiền hui và vay còn nợ là 394.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà P về yêu cầu ông L liên đới trách nhiệm trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bà P khởi kiện yêu cầu bà T và ông L trả tiền hui và tiền vay còn nợ. Đây là tranh chấp hui và tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà T và ông L có nơi cư trú tại xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại thời điểm giải quyết vụ án, bà T không còn sinh sống tại địa chỉ nêu trên, ông L chồng bà T cho rằng cũng không biết hiện nay bà T ở đâu. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện bà P đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bà T. Bên cạnh đó, theo giấy cầm sổ đất do nguyên đơn cung cấp cũng thể hiện bị đơn bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972, địa chỉ: ấp 4 (Hưng An Đông), xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ quy định tại điểm e, khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Bà T đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà P khởi kiện yêu cầu bà T và ông L liên đới trách nhiệm trả số tiền hui và tiền vay còn nợ là 394.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà T là các giấy hót hui của bà T, danh sách hui viên, bảng kê tiền hui, giấy cầm sổ đất bản chính, bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất do bà P cung cấp thể hiện bà T có tham gia nhiều dây hui do bà P làm chủ hui, hiện còn nợ lại 10 dây hui đã hót hui nhưng chưa đóng hui chết với tổng số tiền 180.000.000 đồng. Bà T nhiều lần vay tiền của bà P với số tiền 214.000.000 đồng và đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 199, tờ bản đồ số 34, diện tích 2470.3m² tọa lạc tại ấp 4, xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre do ông L và bà T đứng tên cho bà P để làm tin. Bên cạnh đó người làm chứng bà H và bà T2 cũng xác định có cùng bà P đến nhà đòi nợ bà T và ông L. Hiện bà P đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T và ông L nên có cơ sở xác định hiện bà T có nợ bà P số tiền hui và vay của bà P. Hội đồng xét xử xét thấy, việc tham gia chơi hui giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, việc này có xảy ra trên thực tế. Các dây hui bà T tham gia, bà T đã hót hui nhưng chưa đóng hui chết mà trốn tránh. Như vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ cũng hui viên theo quy định tại các Điều 14, 15, 17, 19, 21, 22, 29, Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hui, họ, biêu, phường nên yêu cầu khởi kiện của bà P là có cơ sở. Đối với số tiền vay thể hiện đây là khoản vay không kỳ hạn, không có lãi nên theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự nguyên đơn có quyền khởi kiện đòi lại tiền bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho nhau trước một thời gian hợp lý. Bà P nhiều lần liên hệ đòi nợ nhưng đến nay bà T chưa trả. Do đó việc bà P khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền vay còn nợ là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận bà P không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Đối với yêu cầu ông L liên đới trách nhiệm trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại tòa, đại diện theo ủy quyền của ông L xác định ông L không biết gì, và cũng không tham gia trong việc chơi hui, mượn tiền của bà P. Bà T không sử dụng tiền hui, tiền mượn để chi tiêu, mua sắm, sinh hoạt chung trong gia đình với ông L. Xét chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy cầm sổ đất, giấy ghi các lần hót hui đều không có chữ ký của ông L, chỉ có chữ ký và ghi họ tên của bà T. Tại tòa người đại diện cho ông L cho rằng các con bà T cho rằng chữ ký trong các giấy hui chưa chắc là của bà T, chỉ giống 50% nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do hiện tại bà P đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đứng tên ông L và bà T nên có cơ sở xác định có việc bà T chơi hui, vay tiền, ký tên cầm giấy chứng nhận cho bà P. Bà P cho rằng hiện tại bà T chơi hui nhiều nơi và thiếu nợ nhiều người, sau khi bà T không đóng hui và lẩn tránh, bà có cùng một số chủ nợ khác đến gặp ông L đòi nợ, có bà H và bà T2 đi cùng cũng là chủ nợ của bà T làm chứng, có quay video trong điện thoại có đoạn ông L có hứa sẽ kêu các con về bán đất trả nợ, có thừa nhận bà T hót hui xây nhà nhưng không nói rõ là hót hui của chủ hui nào, vào thời gian nào, với số tiền bao nhiêu. Bà T2, bà H cũng là chủ nợ của bà T đến nay vẫn chưa đòi được tiền nợ, đang có mâu thuẫn về quyền lợi với bà T, đồng thời nội dung làm chứng cũng không chứng minh được việc bà T nhận tiền hui các dây hui do bà P làm chủ hui để xây nhà.

Từ những lập luận trên không có cơ sở buộc ông L có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả số tiền hui và tiền vay còn nợ cho bà P.

Hiện tại bà P đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 199, tờ bản đồ số 34, diện tích 2470.3m² tọa lạc tại ấp 4, xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre do ông L và bà T đứng tên. Tuy nhiên các bên chưa thực hiện việc đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền nên cần buộc bà P giao trả lại bản chính giấy chứng nhận nêu trên cho bà T và ông L.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận nên bà T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 394.000.000 đồng x 5% = 19.700.000 (mười chín triệu bảy trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 288, 357, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 147, 192, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 14, 15, 17, 19, 21, 22, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hui, họ, biểu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn L.

Buộc Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền hui và tiền vay còn nợ là 394.000.0000 (ba trăm chín mươi bốn triệu) đồng.

[2] Không chấp yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn L liên đới trách nhiệm với bà Nguyễn Thị T trả số tiền hui và tiền vay còn nợ là 394.000.0000 (ba trăm chín mươi bốn triệu) đồng.

[3] Buộc bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn L bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT 570251 ngày 21/3/2014 do Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm cấp cho hộ ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 199, tờ bản đồ số 34, diện tích 2470.3m² tọa lạc tại ấp 4, xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc bà Nguyễn Thị T phải nộp số tiền án phí là 19.700.000 (mười chín triệu bảy trăm nghìn) đồng.

- Chi cục Thi hành án huyện Giồng Trôm hoàn lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.850.000 (chín triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005980 ngày 19/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan